



BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐH DUY TÂN

BẢNG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP NĂM HỌC: 2013- 2014

KHỐI LỚP: B,BIS,D,DIS,F,H,J,L,N,P

MÔN: ANH NGỮ TOEIC 1

MÃ MÔN: ENG401

SỐ TÍN CHỈ: 2

HỌC KỲ: 1

Thời gian : 27/03/2014

LẦN THI : 1

Thời gian: 27/03/2014					Lần thi: 1										
STT	Mã Sinh Viên	Họ và Tên	Lớp Học Phần	Lớp Sinh Hoạt	Điểm Quá Trình & KTHP								Điểm T. Kết		Ghi Chú
					A	P	Q	H	Thi Nói	Thi Viết	F	Số	Chữ		
					5%	10%	20%	10%			55%				
1	142211174	Nguyễn Tuấn Anh	ENG 401 B	K14XDD1	7	8	5	5.5	5.4	7.1	6.2	6.1	Sáu Phẩy Một		
2	142211212	Lê Trung Hiếu	ENG 401 B	K14XDD1	2	2	5	0	5	7.1	6	4.6	Bốn Phẩy Sáu		
3	142211254	Trần Huỳnh Phương	ENG 401 B	K14XDD1	7	8	5	5.5	7	3.5	5.2	5.6	Năm Phẩy Sáu		
4	152232853	Đỗ Diệu Hằng	ENG 401 B	K15KTR1	10	9	7	7	4.4	4.2	4.3	5.9	Năm Phẩy Chín		
5	152253086	Phan Thị Ngọc Huyền	ENG 401 B	K15KMT	8	9	9	7	5	5.7	5.3	6.7	Sáu Phẩy Bảy		
6	162314535	Lê Ngọc Thủy Chung	ENG 401 B	K16KKT5	8	10	9	7.5	7	6.4	6.7	7.6	Bảy Phẩy Sáu		
7	162314691	Dương Thị Hồng Thận	ENG 401 B	K16KKT3	8	10	7	7.5	4.6	5.5	5	6.3	Sáu Phẩy Ba		
8	162333709	Nguyễn Thị Thuý Dung	ENG 401 B	K16QTH2	7	8	10	7.5	4.6	3.7	4.1	6.2	Sáu Phẩy Hai		
9	162333751	Nguyễn Thị Nga	ENG 401 B	K16QTH3	6	6	5	0	4	5	4.5	4.4	Bốn Phẩy Bốn		
10	162354025	Lê Thị Cẩm Linh	ENG 401 B	K16QTC2	8	9	9	7	3.2	5.1	4.1	6.1	Sáu Phẩy Một		
11	162524130	Lê Thị Ngọc ánh	ENG 401 B	K16QNH2	5	5	7	7	3	6	4.5	5.3	Năm Phẩy Ba		
12	162524313	Trần Mỹ Thục Oanh	ENG 401 B	K16QNH6	8	8	7	7	4.8	7.1	5.9	6.6	Sáu Phẩy Sáu		
13	162524388	Nguyễn Thị Thu Thủy	ENG 401 B	K16QNH6	9	8	6	7	5	3.8	4.4	5.6	Năm Phẩy Sáu		
14	162527641	Phạm Tuấn Nghĩa	ENG 401 B	K16QNH6	7	7	7	7	4	3.8	3.9	0.0	Không		
15	162314536	Nguyễn Đỗ Đạt	ENG 401 D	K16KKT4	6	7	6	6	3.6	3.5	3.5	0.0	Không		
16	162524127	Nguyễn Thị Ngọc Anh	ENG 401 D	K16QNH5	8	7	8	7	4.4	4.3	4.3	5.8	Năm Phẩy Tám		
17	162524176	Lê Hoàng Hải	ENG 401 D	K16QNH5	8.5	8.5	7.5	7.5	4	5	4.5	6.0	Sáu		
18	162524304	Trương Thị Cẩm Nhung	ENG 401 D	K16QNH5	8	8	7.5	6	4	4.1	4	5.5	Năm Phẩy Năm		
19	142221356	Phan Minh Phụng	ENG 401 L	K14XDC	7	8	5	6	5.2	5	5.1	5.6	Năm Phẩy Sáu		
20	162143117	Nguyễn Văn Hùng	ENG 401 N	K16TTT	8.5	8.5	7	7	5	5.3	5.1	6.2	Sáu Phẩy Hai		
21	162413881	Ông Thị Thu ánh	ENG 401 N	K16DLK1	9.5	9.5	7.2	7.5	5.4	3.5	4.4	6.1	Sáu Phẩy Một		

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SỐ LƯỢNG	TỶ LỆ (%)	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	19	90%	
2	Số sinh viên nợ	2	10%	
TỔNG CỘNG :		21	100%	

NGƯỜI LẬP

Dà nẵng, ngày 17 tháng 04 năm 2014

P. ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH

Trần Trung Mai

ThS. Nguyễn Ân